

BỘ 10 ĐỀ THI HỌC KỲ 1 (TIẾNG VIỆT LỚP 4)
(CÓ ĐÁP ÁN THAM KHẢO)

ĐỀ SỐ 1

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (5 điểm)

Bài đọc: Thưa chuyện với mẹ

(SGK Tiếng Việt 4, tập 1, trang 85)

- Đọc diễn cảm toàn bài.
- Trả lời câu hỏi sách giáo khoa trang 86.

II. Đọc hiểu: (5 điểm)

- *Bài đọc: Điều ước của vua Mi-đát*

(SGK Tiếng Việt 4, tập 1, trang 90)

- Làm bài tập: Chọn câu trả lời đúng nhất.

1. Vua Mi-đát xin thần Đi-ô-ni-đốt điều gì?

- a. Xin được hạnh phúc.
- b. Xin được sức khỏe.
- c. Xin mọi vật vua chạm đến đều hóa thành vàng.
- d. Các ý trên đều sai.

2. Thoạt đầu, điều ước được thực hiện tốt đẹp như thế nào?

- a. Vua bẻ cành sồi thì cành sồi đó biến thành vàng; vua ngắt một quả táo thì quả táo đó biến thành vàng.
- b. Vua rất giàu sang, phú quý.
- c. Vua rất vui sướng, hạnh phúc.
- d. Tất cả các ý trên.

3. Tại sao vua Mi-đát phải xin thần lấy lại điều ước?

- a. Vua đã quá giàu sang.
- b. Vua đã được hạnh phúc.
- c. Vua rất đói khát vì biết mình đã xin một điều ước khủng khiếp: các thức ăn, thức uống khi vua chạm tay vào đều biến thành vàng.
- d. Tất cả các ý trên.

4. Vua Mi-đát đã hiểu ra được điều gì?

- a. Hạnh phúc không thể xây dựng bằng ước muốn tham lam.
- b. Hạnh phúc không thể xây dựng bằng điều ước.
- c. Hạnh phúc không thể xây dựng bằng tiền của.
- d. Các ý trên đều sai.

5. Từ nào không thể thay thế cho từ “ước muốn”?

- a. Ước mơ.
- b. Mơ màng.
- c. Mong ước.
- d. Mơ tưởng.

B. Kiểm tra viết: (10 điểm)

I. Chính tả (Nghe – viết): (5 điểm)

Sau trận mưa rào

(trích)

Một giờ sau cơn dông, người ta hầu như không nhận thấy trời hè vừa ừ dột. Mùa hè, mặt đất cũng chóng khô như đôi má em bé.

Không gì đẹp bằng cây lá vừa tắm mưa xong, đang được mặt trời lau ráo, lúc ấy trong nó vừa tươi mát, vừa ẩm áp. Khóm cây, luống cảnh trao đổi hương thơm và tia sáng. Trong tán lá

mấy cây sung, chích chòe huyền não, chim sẻ tung hoành, gõ kiến leo dọc thân cây dẻ, mỡ lách cách trên vỏ ...

V. Huy Gô
(trích *Những người khôn khổ*)

II. Tập làm văn: (5 điểm)

Tà chiếc áo sơ mi của em.

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHO ĐIỂM

ĐỀ SỐ 1

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (5 điểm)

- Đọc đúng tiếng, từ: 2 điểm (Đọc sai dưới 3 tiếng: 1,5 điểm; đọc sai từ 3 đến 5 tiếng: 1 điểm; đọc sai từ 6 đến 10 tiếng: 0,5 điểm; đọc sai trên 10 tiếng: không cho điểm).

- Ngắt nghỉ hơi đúng dấu câu (có thể mắc lỗi về ngắt nghỉ hơi ở 1 hoặc 2 dấu câu): 1 điểm; (không ngắt nghỉ hơi đúng ở 3 đến 4 dấu câu: 0,5 điểm; không ngắt nghỉ hơi đúng ở 5 dấu câu trở lên: không có điểm).

- Tốc độ đọc đạt yêu cầu: 1 điểm (đọc quá 1 phút đến 2 phút: 0,5 điểm; đọc quá 2 phút, phải đánh vần nhảm: không có điểm).

- Trả lời đúng ý câu hỏi: 1 điểm (trả lời chưa đủ ý hoặc hiểu câu hỏi nhưng diễn đạt còn lúng túng, chưa rõ ràng: 0,5 điểm; không trả lời được hoặc trả lời sai ý: không có điểm).

II. Đọc hiểu: (5 điểm). Học sinh thực hiện đúng mỗi câu được 1 điểm.

Câu 1: c

Câu 2: a

Câu 3: c

Câu 4: a

Câu 5: b

B. Kiểm tra viết: (10 điểm)

I. Chính tả: (5 điểm)

- Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày đúng đoạn văn (thơ): 5 điểm. Mỗi lỗi chính tả trong bài viết (sai phụ âm đầu, vần, thanh hoặc viết hoa không đúng quy định): trừ 0,5 điểm.

- Nếu chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao, khoảng cách, kiểu chữ, trình bày bản,.... thì bị trừ 1 điểm toàn bài.

Lưu ý: Tất cả các đề còn lại cũng chấm theo thang điểm trên.

II. Tập làm văn: (5 điểm)

- Viết đủ ý, diễn đạt mạch lạc, viết câu đúng ngữ pháp: 5 điểm

Bài tham khảo

Tôi có một người bạn đồng hành quý báu. Đó là chiếc áo sơ mi vải Tô Châu, dày mịn, màu cỏ úa.

Chiếc áo sờn vai của ba, nhờ bàn tay vén khéo của mẹ đã trở thành chiếc áo xinh xinh, trông rất oách của tôi. Những đường khâu đều đặn như khâu máy, thoáng nhìn qua khó mà biết được đây chỉ là một chiếc áo may bằng tay. Hàng khuy thẳng tắp như hàng quân trong đội duyệt binh. Cái cổ áo trông như hai cái lá non trông thật dễ thương. Mẹ còn may hai cái cầu vai y như một cái áo quân phục thật sự. Cái măng – sét ôm khít lấy cổ tay tôi, khi cần, tôi có thể mở khuy và xắn tay áo lên một cách gọn gàng. Mặc áo vào, tôi có cảm giác như vòng tay ba mạnh mẽ và yêu thương đang ôm lấy tôi, tôi như được dựa vào lòng ngực ấm áp của ba... Lúc tôi mặc chiếc áo này đến trường, các bạn và cô giáo tôi đều gọi tôi là chú bộ đội. Có bạn hỏi: “Cậu có cái áo thích thật! Mua ở đâu thế?”. “Mẹ may đấy!” – Tôi hãnh diện trả lời.

Ba đã hi sinh trong một lần tuần tra biên giới, chưa kịp thấy tôi chững chạc như một anh lính tí hon trong cái áo mẹ may lại từ cái áo quân phục cũ của ba.

Chiếc áo vẫn còn y nguyên như ngày nào, mặc dù cuộc sống của tôi đã có nhiều thay đổi. Chiếc áo đã trở thành kỉ vật thiêng liêng của tôi và cả gia đình tôi.

Theo Phạm Hải Lê Châu

ĐỀ SỐ 2

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (5 điểm)

Bài đọc: Điều ước của Vua Mi-đát
(SGK Tiếng Việt 4, tập 1, trang 90)

- Đọc đúng, trôi chảy.
- Trả lời câu hỏi sách giáo khoa trang 91.

II. Đọc hiểu: (5 điểm)

- *Bài đọc: Quê hương*
(SGK Tiếng Việt 4, tập 1, trang 100)
- Làm bài tập: Chọn câu trả lời đúng nhất.

1. Quê hương chị Sứ được tả trong bài văn là vùng nào?

- a. Thành phố.
- b. Vùng biển.
- c. Miền núi.
- d. Các ý trên đều sai.

2. Hình ảnh nào làm cho chị Sứ yêu biết bao nhiêu quê hương của mình?

- a. Nơi đó chị đã cất tiếng khóc đầu tiên.
- b. Nơi này, mẹ chị đã hát ru chị ngủ.
- c. Nơi đây, quả ngọt trái sai đã thấm hồng da dẻ chị. Và đến lúc làm mẹ, chị đã hát ru con những câu hát ngày xưa.
- d. Tất cả các ý trên.

3. Câu văn nào thể hiện tình yêu quê hương rất sâu nặng của chị Sứ?

- a. Chị Sứ yêu biết bao nhiêu cái chôn này.
- b. Chị Sứ yêu Hòn Đất bằng cái tình yêu hầu như là máu thịt.
- c. Chị thương ngôi nhà sàn lâu năm có cái bậc thang.
- d. Tất cả các ý trên.

4. Những từ nào là danh từ riêng?

- a. Hòn Đất, Sứ, Ba Thê.
- b. Mẹ, con, núi, sóng biển.
- c. Ngôi nhà, nắng, mái tóc, bờ vai.
- d. Tất cả các ý trên.

5. Từ hợp nào dưới đây gồm các từ láy?

- a. Oa oa, vôi vôi, hoàng hôn, cánh cò, tròn trịa.
- b. Oa oa, da dẻ, vôi vôi, nghiêng nghiêng, chen chúc, phát phơ, trụi trụi, tròn trịa.
- c. Oa oa, nghiêng nghiêng, trụi trụi, vàng óng, hoàng hôn.
- d. Tất cả các ý trên.

B. Kiểm tra viết: (10 điểm)

I. Chính tả (Nghe – viết): (5 điểm)

Bài viết: Chiều trên quê hương
(SGK Tiếng Việt 4, tập 1, trang 102).

II. Tập làm văn: (5 điểm)

Viết một bức thư ngắn cho bạn hoặc người thân nói về ước mơ của em.

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHO ĐIỂM

ĐỀ SỐ 2

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (5 điểm)

- Đọc đúng tiếng, từ: 2 điểm (Đọc sai dưới 3 tiếng: 1,5 điểm; đọc sai từ 3 đến 5 tiếng: 1 điểm; đọc sai từ 6 đến 10 tiếng: 0,5 điểm; đọc sai trên 10 tiếng: không cho điểm).

- Ngắt nghỉ hơi đúng dấu câu (có thể mắc lỗi về ngắt nghỉ hơi ở 1 hoặc 2 dấu câu): 1 điểm; (không ngắt nghỉ hơi đúng ở 3 đến 4 dấu câu: 0,5 điểm; không ngắt nghỉ hơi đúng ở 5 dấu câu trở lên: không có điểm).

- Tốc độ đọc đạt yêu cầu: 1 điểm (đọc quá 1 phút đến 2 phút: 0,5 điểm; đọc quá 2 phút, phải đánh vần nhảm: không có điểm).

- Trả lời đúng ý câu hỏi: 1 điểm (trả lời chưa đủ ý hoặc hiểu câu hỏi nhưng diễn đạt còn lúng túng, chưa rõ ràng: 0,5 điểm; không trả lời được hoặc trả lời sai ý: không có điểm).

II. Đọc hiểu: (5 điểm). Học sinh thực hiện đúng mỗi câu được 1 điểm.

Câu 1: b

Câu 2: d

Câu 3: d

Câu 4: a

Câu 5: b

B. Kiểm tra viết: (10 điểm)

I. Chính tả: (5 điểm)

- Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày đúng đoạn văn (thơ): 5 điểm. Mỗi lỗi chính tả trong bài viết (sai phụ âm đầu, vần, thanh hoặc viết hoa không đúng quy định): trừ 0,5 điểm.

- Nếu chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao, khoảng cách, kiểu chữ, trình bày bản,.... thì bị trừ 1 điểm toàn bài.

Lưu ý: Tất cả các đề còn lại cũng chấm theo thang điểm trên.

II. Tập làm văn: (5 điểm)

- Viết đủ ý, diễn đạt mạch lạc, viết câu đúng ngữ pháp: 5 điểm

Bài tham khảo

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm

Bình thân mến!

Hôm nay, ngày cuối tuần, mình viết thư thăm Bình.

Trước tiên, mình xin chúc Bình cùng gia đình dồi dào sức khỏe, chúc Bình học giỏi và luôn gặp được những điều tốt đẹp.

Nhân đây, mình sẽ kể về công việc học tập và ước mơ của bản thân mình cho bạn nghe nhé!

Việc học của mình vẫn rất tốt, lớp mình rất vui, cô giáo rất quan tâm đến lớp. Tháng vừa qua, mình đạt rất nhiều điểm cao. Hiện nay, mình đang chuẩn bị để bước vào kì thi Viết chữ đẹp cấp thành phố. Không chỉ thế, mình còn tham gia vẽ tranh cấp trường, mình sẽ vẽ những bức tranh nói về môi trường xanh, môi trường không có tệ nạn xã hội. Mình hi vọng sẽ đoạt giải trong các kì thi này. Cũng nhờ mình yêu thích môn Mĩ thuật nên mình đã có những ước mơ cho tương lai. Bình có biết mình mơ ước gì không? Mình sẽ kể cho bạn nghe. Ước mơ của mình sau này sẽ là một kiến trúc sư, mình sẽ thiết kế nên những sân vườn xinh đẹp, thiết kế nên những tòa cao ốc hiện đại, thiết kế nên những biệt thự nguy nga, mỹ lệ... Bạn có mơ ước giống mình không? Hãy viết thư kể cho mình nghe với nhé!

Thôi! Thư mình viết đã dài. Mình và bạn hãy hẹn cùng nhau thi đua học tập để đạt những ước mơ cao đẹp.

Mình xin dừng bút. Chúc bạn có những ước mơ cho ngày mai.

Bạn của Bình.

Vũ Hoàng

ĐỀ SỐ 3

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (5 điểm)

Bài đọc: Có chí thì nên

(SGK Tiếng Việt 4, tập 1, trang 108)

- Đọc đúng, mạch lạc, trôi chảy.
- Trả lời câu hỏi sách giáo khoa trang 109.

II. Đọc hiểu: (5 điểm)

- *Bài đọc: Ông Trọng thả điều*

(SGK Tiếng Việt 4, tập 1, trang 104)

- Làm bài tập: Chọn câu trả lời đúng nhất.

1. Lúc nhỏ Nguyễn Hiền có sở thích gì nhất?

- a. Chơi bi.
- b. Thả điều.
- c. Đá bóng.
- d. Các ý trên đều sai.

2. Những chi tiết nào nói lên sự thông minh của Nguyễn Hiền?

- a. Đọc đến đâu hiểu ngay đến đó.
- b. Có trí nhớ lạ thường.
- c. Có hôm, chú thuộc hai mươi trang sách mà vẫn có thời giờ chơi thả điều.
- d. Tất cả các ý trên đều đúng.

3. Nguyễn Hiền ham học và chịu khó như thế nào?

- a. Vì nghèo không được học nên đứng ngoài để nghe giảng nhờ.
- b. Đợi bạn học thuộc bài rồi mượn vở của bạn về học.
- c. Không có vở, Nguyễn Hiền tận dụng lưng trâu hoặc nền cát, bút là ngón tay hay mảnh gạch vỡ, còn đèn là vỏ trứng thả đom đóm vào trong. Bài thi làm trên lá chuối khô và nhờ bạn xin thầy chấm hộ.
- d. Tất cả ý trên.

4. Câu tục ngữ nào nêu đúng ý nghĩa của câu chuyện trên?

- a. Có chí thì nên.
- b. Giấy rách phải giữ lấy lề.
- c. Máu chảy, ruột mềm.
- d. Thẳng như ruột ngựa.

5. Từ nào dưới đây là động từ?

- a. Học.
- b. Đèn.
- c. Tốt.
- d. Hay.

B. Kiểm tra viết: (10 điểm)

I. Chính tả (Nhớ – viết): (5 điểm)

Bài viết: Nếu chúng mình có phép lạ

(SGK Tiếng Việt 4, tập 1, trang 76).

II. Tập làm văn: (5 điểm)

Kể lại câu chuyện Ông Trọng thả điều bằng lời kể của Nguyễn Hiền.

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHO ĐIỂM ĐỀ SỐ 3

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (5 điểm)

- Đọc đúng tiếng, từ: 2 điểm (Đọc sai dưới 3 tiếng: 1,5 điểm; đọc sai từ 3 đến 5 tiếng: 1 điểm; đọc sai từ 6 đến 10 tiếng: 0,5 điểm; đọc sai trên 10 tiếng: không cho điểm).
 - Ngắt nghỉ hơi đúng dấu câu (có thể mắc lỗi về ngắt nghỉ hơi ở 1 hoặc 2 dấu câu): 1 điểm; (không ngắt nghỉ hơi đúng ở 3 đến 4 dấu câu: 0,5 điểm; không ngắt nghỉ hơi đúng ở 5 dấu câu trở lên: không có điểm).
 - Tốc độ đọc đạt yêu cầu: 1 điểm (đọc quá 1 phút đến 2 phút: 0,5 điểm; đọc quá 2 phút, phải đánh vần nhẩm: không có điểm).
 - Trả lời đúng ý câu hỏi: 1 điểm (trả lời chưa đủ ý hoặc hiểu câu hỏi nhưng diễn đạt còn lúng túng, chưa rõ ràng: 0,5 điểm; không trả lời được hoặc trả lời sai ý: không có điểm).
- II. Đọc hiểu: (5 điểm). Học sinh thực hiện đúng mỗi câu được 1 điểm.

Câu 1: b

Câu 2: d

Câu 3: d

Câu 4: a

Câu 5: a

B. Kiểm tra viết: (10 điểm)

I. Chính tả: (5 điểm)

- Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày đúng đoạn văn (thơ): 5 điểm. Mỗi lỗi chính tả trong bài viết (sai phụ âm đầu, vần, thanh hoặc viết hoa không đúng quy định): trừ 0,5 điểm.
- Nếu chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao, khoảng cách, kiểu chữ, trình bày bản,.... thì bị trừ 1 điểm toàn bài.

Lưu ý: Tất cả các đề còn lại cũng chấm theo thang điểm trên.

II. Tập làm văn: (5 điểm)

- Viết đủ ý, diễn đạt mạch lạc, viết câu đúng ngữ pháp: 5 điểm

Bài tham khảo

Tôi là Nguyễn Hiền, người làng Dương Miện, tỉnh Hà Nam. Tôi được sinh ra và lớn lên trong một gia đình nghèo ở vùng nông thôn. Năm lên sáu tuổi, cha mẹ tôi cho đi học ở trường làng. Tôi thích lắm. Không những thích học mà còn thích thả diều nữa. Có lần, tôi cùng những đứa trẻ nghèo đi chăn trâu, tôi tranh thủ thả diều và bị thầy giáo thấy được. Hôm sau, thầy giáo gọi tôi để kiểm tra bài. Tôi đọc thuộc lòng hơn hai mươi trang sách. Thầy giáo rất ngạc nhiên.

Việc học của tôi là thế nhưng vì nhà nghèo nên tôi phải nghỉ học. Tôi nhớ lớp, nhớ thầy, thèm được đi học như các bạn trạc tuổi tôi. Tôi nghĩ cách học lén. Ban ngày, đi chăn trâu, tôi tranh thủ nấp ngoài của lớp nghe thầy giảng bài. Tôi đến, đợi các bạn học xong, tôi mượn vở về học. Tôi cũng đèn sách như ai nhưng vở của tôi là lưng trâu hay nền cát, bút là ngón tay, cành cây, hoặc mảnh gạch vụn. Đèn của tôi là vỏ trứng thả đom đóm vào trong. Vừa chăn trâu vừa học, vừa thả diều vừa học nhưng kiến thức của tôi không thua kém gì các bạn được học hành tử tế. Bạn làm, bạn học như thế nhưng cánh diều của tôi vẫn bay cao trong vũ trụ, tiếng sáo diều vẫn vi vút trên bầu trời rộng khôn cùng. Tôi vui sướng nhìn cánh diều do tự tay tôi làm nên đang bay bổng trên cao.

Năm tôi mười ba tuổi, nhà vui mở khoa thi chọn người tài. Một hôm, tôi cùng các bạn đang thả diều ngoài đồng, thầy giáo trong làng tìm tôi và bảo:

- Thầy biết con có chí và học giỏi. Tuy nhà nghèo nhưng con rất hiếu học. Con hãy tham gia cuộc thi này! Đất nước đang cần những người tài giỏi.

Tôi ngạc nhiên và do tự thì thầy giáo nói tiếp:

- Thầy hiểu hoàn cảnh của con, thầy sẽ giúp con mọi thứ để con an tâm bước vào kì thi này.

Thế là tôi tạm biệt cha mẹ, thầy giáo và bạn bè để lên kinh đô ứng thí. Tôi dự thi và đỗ Trạng Nguyên, được ghi vào sổ sách là “Trạng Nguyên trẻ nhất nước Nam”.

Từ thành công đó, tôi muốn nhắn gửi các bạn một điều:

“Có chí thì nên – Có công mài sắc có ngày nên kim.”

Đề số 4

| | |
|-----------------------------------|---|
| TRƯỜNG TH ĐẠI LÃNH 2 Lớp: 4... | KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ Năm học: 2014 - 2015 Môn: Tiếng Việt |
|-----------------------------------|---|

| | |
|---------|---------------------------|
| Họ tên: | Ngày kiểm tra: 29/12/2014 |
|---------|---------------------------|

PHẦN ĐỌC (40 PHÚT)

I. Đọc thầm, trả lời câu hỏi và bài tập:

Bàn tay người nghệ sĩ

Ngay từ nhỏ, Trương Bạch đã rất yêu thiên nhiên. Lúc nhàn rỗi, cậu nặn những con giống bằng đất sét trông y như thật.

Lớn lên, Trương Bạch xin đi làm ở một cửa hàng đồ ngọc. Anh say mê làm việc hết mình, không bao giờ chịu dừng khi thấy những chỗ cần gia công tinh tế mà mình chưa làm được. Sự kiên nhẫn của Trương Bạch khiến người dạy nghề cũng phải kinh ngạc.

Một hôm có người mang một khối ngọc thạch đến và nhờ anh tạc cho một pho tượng Quan Âm. Trương Bạch tự nhủ sẽ gắng công tạc nên một tác phẩm tuyệt trần, mỹ mãn.

Pho tượng làm xong, quả là một tác phẩm trác tuyệt. Từ dung mạo đến dáng vẻ của Quan Âm đều toát lên sự ung dung và cực kì mỹ lệ. Điều vô cùng lí thú là pho tượng sống động đến lạ lùng, giống như một người sống vậy. Nếu đi một vòng xung quanh pho tượng, đôi mắt Quan Âm như biết nhìn theo. Hiển nhiên đây là điều không thể tưởng tượng nổi.

Sưu tầm

Dựa vào nội dung bài đọc, hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước ý trả lời đúng nhất và hoàn thành tiếp các bài tập:

Câu 1: Từ nhỏ, Trương Bạch đã có niềm yêu thích, say mê gì?

- A. Đất sét B. Thiên nhiên C. Đồ ngọc

Câu 2: Điều gì ở Trương Bạch khiến người dạy nghề cũng phải kinh ngạc?

- A. Sự kiên nhẫn B. Sự chăm chỉ C. Sự tinh tế

Câu 3: Pho tượng Quan Âm có điều gì khiến người ta không thể tưởng tượng nổi?

- A. Từ dung mạo đến dáng vẻ của Quan Âm đều toát lên sự ung dung và cực kì mỹ lệ.
- B. Pho tượng sống động đến lạ lùng, giống như một người sống vậy.
- C. Nếu đi một vòng xung quanh pho tượng, đôi mắt Quan Âm như biết nhìn theo.
- D. Cả 3 ý trên

Câu 4: Theo em, bài đọc "Bàn tay người nghệ sĩ" thuộc chủ điểm nào đã học?

- A. Trên đôi cánh ước mơ
- B. Măng mọc thẳng
- C. Có chí thì nên

Câu 5: Gạch chân bộ phận vị ngữ trong câu sau:

Lúc nhàn rồi, cậu nặn những con giống bằng đất sét trông y như thật.

Câu 6: Ghi lại các động từ, tính từ trong câu sau:

Cành đào nở hoa cho sắc xuân thêm rực rỡ, ngày xuân thêm tung bừng.

Các động từ:.....

Các tính từ

Câu 7: Tìm một từ trái nghĩa với từ "quyết chí"

.....
.....

II/ Đọc thành tiếng:

Giáo viên cho học sinh bốc thăm, sau đó các em sẽ đọc thành tiếng (mỗi học sinh đọc một đoạn hoặc cả bài trong sách giáo khoa Tiếng Việt 4, tập 1 khoảng: 1 phút 30 giây – 1 phút 50 giây) và trả lời câu hỏi do giáo viên chọn theo nội dung được quy định sau:

Bài 1: "Đế mèn bênh vực kẻ yếu"; đọc đoạn "Từ trong hốc đá,....quang hản." (trang 15).

Bài 2: "Người ăn xin"; đọc đoạn: "Trên người tôi của ông lão." (trang 30 và 31)

Bài 3: "Đôi giày ba ta màu xanh"; đoạn: "Sau này..., nhảy tung tung." (trang 81)

- Thời gian kiểm tra:

Đọc thầm, trả lời câu hỏi và bài tập trên giấy: 30 phút.

Đọc thành tiếng: tùy theo tình hình từng lớp, giáo viên tổ chức cho các em kiểm tra và chấm ngay tại lớp.

PHẦN VIẾT (40 PHÚT)

1. Chính tả: (5 điểm) - 15 phút

Nghe - viết: Bài Thư thăm bạn (Tiếng Việt lớp 4, tập 1, trang 25, 26)

Từ: Mình tin rằng ... đếnQuách Tuấn Lương

2. Tập làm văn: (5 điểm) - 25 phút.

Đề: Tả một đồ dùng học tập mà em yêu thích.

Đáp án đề kiểm tra cuối học kì 1 môn Tiếng Việt lớp 4

PHẦN ĐỌC (40 PHÚT)

I. Đọc thầm, trả lời câu hỏi và bài tập: (5 điểm)

Điền đúng mỗi câu ghi: 0.5 điểm

Câu 1: B

Câu 2: A

Câu 3: D

Câu 4: C

Câu 5 (Lúc nhàn rồi, cậu nặn những con giống bằng đất sét trông y như thật)

Câu 6:

a) nở; cho

b) rục rĩ; tung bùng

II Đọc thành tiếng: (5 điểm)

Có thể phân ra các yêu cầu sau:

1/ Đọc đúng tiếng, đúng từ

Đọc sai từ 2 đến 4 tiếng :0,5 điểm; đọc sai quá 5 tiếng: 0 điểm

2/ Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa: 1,0 điểm

Ngắt nghỉ hơi không đúng từ 2 đến 3 chỗ: 0,5 điểm

Ngắt nghỉ hơi không đúng từ 4 chỗ trở lên: không ghi điểm

3/ Giọng đọc bước đầu có biểu cảm

Giọng đọc chưa thể hiện rõ tính biểu cảm: 0,5 điểm

Giọng đọc không thể hiện rõ tính biểu cảm: không ghi điểm

4/ Tốc độ đọc: đạt tốc độ quy định

Nếu thời gian mỗi lần đọc vượt hơn so với quy định là 1 phút: ghi 0,5 điểm;

Đọc trên 1 phút: không ghi điểm.

5/ Trả lời đúng câu hỏi do giáo viên nêu: 1,0 điểm

Trả lời chưa đủ ý hoặc diễn đạt chưa rõ ràng: ghi 0,5 điểm

PHẦN VIẾT (40 PHÚT)

I. Chính tả: (5 điểm)

Bài viết không mắc lỗi (hoặc chỉ mắc 1 lỗi) chính tả; chữ viết rõ ràng, sạch sẽ, trình bày đúng đoạn văn: ghi 5 điểm.

Mỗi lỗi chính tả trong bài viết (sai - lẫn phụ âm đầu hoặc vần, thanh; không viết hoa đúng quy định): trừ 0,5 điểm.

Nếu chữ viết không rõ ràng; sai lẫn độ cao, khoảng cách, kiểu chữ hoặc trình bày bản: trừ 1 điểm cho toàn bài.

II. Tập làm văn: (5 điểm)

Bài được ghi điểm 5 phải bảo đảm các yêu cầu sau:

Viết được đoạn văn tả một đồ dùng học tập theo đề bài

Viết câu đúng ngữ pháp, dùng từ đúng, không mắc lỗi chính tả.

Chữ viết rõ ràng, trình bày bài viết sạch sẽ.

Tùy theo mức độ sai sót về ý, về diễn đạt và chữ viết, có thể ghi một trong các mức sau: 4.5 – 4.0- 3.5 – 3.0 – 2.5 – 2.0 – 1.5 – 1.0 – 0.5.

Đề số 5

| | |
|---|---|
| TRƯỜNG TH ĐỊNH HIỆP LỚP: 4/..... TÊN:..... | ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM 2013- 2014 MÔN: TIẾNG VIỆT THỜI GIAN: 40 PHÚT Ngày kiểm tra:/10/2013 |
|---|---|

I/ Đọc thầm bài:

NGƯỜI ĂN XIN

Lúc ấy, tôi đang đi trên phố. Một người ăn xin già lợm khòm đứng ngay trước mặt tôi. Đôi mắt ông lão đỏ đơ và giàn giụa nước mắt. Đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi thảm hại... Chao ôi! Cảnh nghèo đói đã gặm nát con người đau khổ kia thành xấu xí biết nhường nào!

Ông già chìa trước mặt tôi bàn tay sưng húp, bản thiu. Ông rên rỉ cầu xin cứu giúp. Tôi lục tìm hết túi nọ đến túi kia, không có tiền, không có đồng hồ, không có cả một chiếc khăn tay. Trên người tôi chẳng có tài sản gì.

Người ăn xin vẫn đợi tôi. Tay vẫn chìa ra, run lẩy bẩy.

Tôi chẳng biết làm cách nào. Tôi nắm chặt lấy bàn tay run rẩy kia:

- Ông đừng giận cháu, cháu không có gì để cho ông cả.

Người ăn xin nhìn tôi chăm chăm bằng đôi mắt ướt đẫm. Đôi môi tái nhợt nở nụ cười và tay ông cũng xiết lấy tay tôi:

- Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi. – Ông lão nói bằng giọng khản đặc.

Khi ấy, tôi chợt hiểu rằng: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được chút gì của lão.

Theo Tuốc-ghê- nhép

II/ Dựa vào nội dung bài đọc, khoanh tròn vào chữ cái đặt trước ý trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi dưới đây:

1/ Hình ảnh ông lão ăn xin đáng thương như thế nào?

- a. Một người ăn xin già lợm khòm.
- b. Đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi thảm hại...
- c. Cả hai ý trên đều đúng.

2/ Hành động và lời nói ân cần của cậu bé chứng tỏ tình cảm của cậu đối với ông lão ăn xin như thế nào?

- a. Cậu bé chân thành thương xót ông lão ăn xin.
- b. Cậu bé muốn giúp đỡ ông lão ăn xin.
- c. Cả hai ý trên đều đúng.

3/ Cậu bé không có gì cho ông lão, nhưng ông lão lại nói: **“Như vậy là cháu đã cho lão rồi”**. Em hiểu cậu bé đã cho ông lão cái gì?

- a. Cậu bé không cho ông lão cái gì cả.
- b. Cậu bé đã cho ông lão tình thương, sự thông cảm và tôn trọng.
- c. Cậu bé đã cho ông lão một ít tiền.

4/ Theo em, cậu bé đã nhận được gì ở ông lão ăn xin?

- a. Cậu bé không nhận được gì ở ông lão ăn xin.
- b. Cậu bé nhận được từ ông ông lão lòng biết ơn, sự đồng cảm.
- c. Cậu bé nhận được ở ông lão ăn xin một lời nói.

5/ Trong câu: **“Lúc ấy, tôi đang đi trên phố.”** Từ nào là danh từ?

- a. tôi
- b. đi
- c. phố

6/ Từ nào là từ láy?

- a. tả tơi
- b. tái nhợt
- c. thảm hại

7/ Thành ngữ, tục ngữ nào dưới đây thể hiện ***tinh thần đoàn kết***?

- a. Trâu buộc ghét trâu ăn.

- b. Môi hở răng lạnh.
- c. Ở hiền gặp lành.

8/ Dấu hai chấm trong trường hợp dưới đây có tác dụng gì?

Tôi chẳng biết làm cách nào. Tôi nắm chặt lấy bàn tay run rẩy kia:

- Ông đừng giận cháu, cháu không có gì để cho ông cả.

- a. Báo hiệu bộ phận đứng sau nó là lời nói của nhân vật.
- b. Báo hiệu bộ phận đứng sau nó là lời giải thích cho bộ phận đứng trước.
- c. Cả hai ý trên.

B. Kiểm tra viết:

1/ **Chính tả** : Nghe - viết:

Người ăn xin

Ông già chìa trước mặt tôi bàn tay sưng húp, bần thủ. Ông rên rỉ cầu xin cứu giúp. Tôi lục tìm hết túi nọ đến túi kia, không có tiền, không có đồng hồ, không có cả một chiếc khăn tay. Trên người tôi chẳng có tài sản gì.

Người ăn xin vẫn đợi tôi. Tay vẫn chìa ra, run lẩy bẩy.

Tôi chẳng biết làm cách nào. Tôi nắm chặt lấy bàn tay run rẩy kia:

- Ông đừng giận cháu, cháu không có gì để cho ông cả.

2/ **Tập làm văn:**

Chọn một trong hai đề sau:

1/ Nhân dịp năm mới, hãy viết thư cho một người thân (ông bà, cô giáo cũ, bạn cũ,...) đang ở xa, để hỏi và chúc mừng năm mới người thân đó.

2/ Em hãy viết thư gửi một bạn ở trường khác để hỏi thăm và kể cho bạn nghe tình hình lớp và trường em hiện nay.

Đáp án

I/ Đọc hiểu: mỗi câu trả lời đúng đạt 0,5 điểm

1/ ý c

2/ ý c

3/ ý b

4/ ý b

5/ ý a

6/ ý a

7 /ý b

8 /ý c

II/ Chính tả: 5 điểm

Sai 1 lỗi trừ 0,5 điểm, sai âm đầu, vần thanh trừ 0,5 điểm

III/ Tập làm văn: Chọn một trong hai đề (5 điểm)

- Hs nêu lí do và mục đích viết thư (0,5 điểm)
- Thăm hỏi tình hình người viết thư (1,5 điểm)
- Thông báo tình hình của người viết thư (1,5 điểm)

- Cuối thư (Ghi lời chúc, lời cảm ơn, lời hứa hẹn của người viết thư, chữ kí và họ tên của người viết thư (1,5 điểm)
- Hs viết sai lỗi chính tả toàn bài trừ 0,5 điểm.

Đề số 6

PHÒNG GD & ĐT TRẦN ĐỀ
TRƯỜNG TH TÀI VĂN 2

Lớp 4:

Họ và tên:.....

ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KÌ I

NĂM HỌC: 2015-2016

Môn: Tiếng Việt: Khối 4

Ngày KT...../ 12/ 2015

A. Kiểm tra kĩ năng đọc và kiến thức tiếng Việt.

Cho văn bản sau:

Văn hay chữ tốt

Thuở đi học Cao Bá Quát viết chữ rất xấu nên nhiều bài văn dù hay vẫn bị thầy cho điểm kém.

Một hôm, có bà cụ hàng xóm sang khẩn khoản:

- Gia đình già có một việc oan uổng muốn kêu quan, nhờ cậu viết giúp cho lá đơn, có được không?

Cao Ba Quát vui vẻ trả lời:

- Tưởng việc gì khó, chứ việc ấy cháu xin sẵn lòng.

Lá đơn viết lí lẽ rõ ràng, Cao Bá Quát yên trí quan sẽ xét nỗi oan cho bà cụ. Nào ngờ, chữ ông xấu quá, quan đọc không được nên thét lính đuổi bà ra khỏi huyện đường. Về nhà, bà kể lại câu chuyện khiến Cao Bá Quát vô cùng ân hận. Ông biết dù văn hay đến đâu mà chữ không ra chữ cũng chẳng ích gì. Từ đó, ông dốc sức luyện chữ sao cho đẹp.

Sáng sáng, ông cầm que vạch lên cột nhà luyện chữ cho cứng cáp. Mỗi buổi tối, ông viết xong mười trang vở mới chịu đi ngủ. Chữ viết đã tiến bộ, ông lại mượn những cuốn sách viết chữ đẹp làm mẫu để luyện nhiều kiểu chữ khác nhau.

Kiên trì luyện tập suốt mấy năm, chữ ông mỗi ngày một đẹp. Ông nổi danh khắp nước là người văn hay chữ tốt.

A.I. (1 điểm) Đọc thành tiếng : Đọc một trong 4 đoạn văn của văn bản.

Đoạn 1: Thuở đi họcsẵn lòng

Đoạn 2: Lá đơn. . . . cho đẹp

Đoạn 3: Sáng sáng chữ tốt.

Trả lời câu hỏi do giáo viên nêu

A.II. Đọc thầm và làm bài tập bài Ông trạng thả diều (khoảng 15- 20 phút):

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi dưới đây:

Câu 1 (0,5 điểm): Vì sao Cao Bá Quát thường xuyên bị điểm kém?

A/ Văn hay – chữ xấu B/ Văn hay C/ Văn hay – chữ xấu

Câu 2 (0,5 điểm): Sự việc gì xảy ra khiến Cao Bá Quát ân hận ?

A/ Chữ ông xấu quá, quan đọc không được nên đuổi bà ra khỏi huyện đường.

B/ Chữ ông đẹp quá, quan đọc không được nên đuổi bà ra khỏi huyện đường.

C/ Văn ông xấu quá, quan đọc không được nên đuổi bà ra khỏi huyện đường.

Câu 3 (0,5 điểm): Từ nào là từ láy trong câu: Có bà cụ hàng xóm sang khẩn khoản.

A/ Bà cụ B/ Hàng sang C/ Khẩn khoản

Câu 4(0,5 điểm) Buổi tối ông viết bao nhiêu trang vở mới đi ngủ?:

A/ Chín trang. B/ Mười quyển C/ Mười trang

Câu 5 (0,5 điểm): Từ nào dưới đây nói lên ý chí, nghị lực của Cao Bá Quát ?

A/ Cần cù B/ Quyết chí C/ Chí hướng

Câu 6 (0,5 điểm): Tục ngữ hoặc thành ngữ nào dưới đây nói đúng ý nghĩa của câu chuyện Văn hay chữ tốt?

A/ Tiếng sáo diều. B/ Có chí thì nên. C/ Công thành danh toại.

Câu 7 : Hãy viết lại động từ có trong câu sau: “Lá đơn viết lí lẽ rõ ràng.” (0,5 điểm)

.....
.....

Câu 8: Hãy đặt câu hỏi cho câu: “Cao Bá Quát nổi danh khắp nước là người văn hay chữ tốt” là: (0,5 điểm)

.....
.....

B. Kiểm tra kĩ năng viết chính tả và viết văn (viết đoạn, bài)

B.I. Chính tả (nghe – viết) (2,0 điểm) (khoảng 15 phút)

Bài viết: *Cánh diều tuổi thơ*

(SGK Tiếng Việt 4 tập I trang 146)

(*Viết đoạn:* tuổi thơ.....đến những vì sao sớm.)

B.II. Viết đoạn, bài (3,0 điểm) (khoảng 35 phút)

Đề bài: Hãy tả một đồ chơi mà em thích .

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TIẾNG VIỆT-LỚP 4

A. I: Đọc thành tiếng (1 điểm) (HS đọc khoảng 100 chữ / 1 phút)

Đọc rõ ràng, rành mạch, lưu loát 0,25 điểm

Ngắt nghỉ hơi đúng các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa. 0,25 điểm

Đọc diễn cảm 0,25 điểm

Trả lời đúng câu hỏi của giáo viên nêu 0,25 điểm

Chú ý

- Đọc sai từ 3 đến 6 tiếng trừ 0,25 điểm.
- Ngắt nghỉ hơi không đúng từ 2 đến 3 chỗ trừ 0,25 điểm.
- Giọng đọc chưa thể hiện rõ biểu cảm trừ 0,25 điểm.

A. II: Đọc thầm (4 điểm) Học sinh khoanh đúng mỗi câu cho 0,5 điểm.

| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|--------|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | C | A | C | C | B | B |

Câu 7 (0,5 điểm): Động từ là từ: Viết

Câu 8 (0,5 điểm): Ai nổi danh khắp nước là người văn hay chữ tốt?

Hay: Cao Bá Quát nổi danh khắp nước là người thế nào?

B. I: Chính tả (2,0 điểm)

- Không mắc lỗi chính tả, viết rõ ràng, sạch sẽ.(2 điểm).
- Sai 4 lỗi trừ 0,25 điểm
- Bài viết không rõ ràng, trình bày bừa, không đạt yêu cầu về chữ viết trừ 0,5 điểm toàn bài.

B. II: Tập làm văn (3,0 điểm)

1. Mở bài: Giới thiệu bài: Giới thiệu được đồ vật định tả, tên gì? Gặp trong trường hợp nào ? (0,5 điểm)
2. Thân bài
 - a. Tả bao quát (hình dáng, màu sắc. . .) (1,5 điểm)
 - b. Tả từng bộ phận (chi tiết từng bộ phận mà đồ vật định tả) (0,75điểm)
3. Kết bài: Nêu cảm nghĩ của về đồ vật được tả. (0,25 điểm)

Đề số 7

| | |
|----------------------------------|--|
| Trường Tiểu học Lương Tài | ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN: TIẾNG VIỆT LỚP 4 NĂM HỌC: 2014 -2015 Thời gian: 60 phút |
|----------------------------------|--|

A- KIỂM TRA ĐỌC:

I. Đọc thầm và trả lời câu hỏi:

Đọc thầm bài tập đọc Ông Trọng thả diều (Sách Tiếng Việt 4 tập I, trang 104) và trả lời các câu hỏi sau:

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi dưới đây:

1. Tìm những chi tiết nói lên tư chất thông minh của Nguyễn Hiền

A. Học đến đâu hiểu ngay đến đó, có trí nhớ lạ thường.

- B. Có thể thuộc hai mươi trang sách trong một ngày mà vẫn có thì giờ chơi đùa.
- C. Cả hai ý trên đều đúng.
2. Vì sao chú bé Hiền được gọi là «Ông Trọng thả điều»?
- A. Vì chú bé Hiền nhờ thả điều mà đỗ Trọng nguyên.
- B. Vì Hiền đỗ Trọng nguyên ở tuổi mười ba, khi vẫn còn là một chú bé ham thích chơi đùa.
- C. Vì chú bé Hiền tuy ham thích thả điều nhưng vẫn học giỏi.
3. Trong câu « Rặng đào đã trút hết lá », từ nào bổ sung ý nghĩa thời gian cho động từ trút ?
- A. rặng đào B. đã C. hết lá
4. Trong câu « Chú bé rất ham thả điều » từ nào là tính từ ?
- A. rất B. ham C. thả điều
5. Từ “trẻ” trong câu “Đó là Trọng nguyên trẻ nhất của nước Nam ta.” thuộc từ loại nào?
- A. Danh từ B. Động từ C. Tính từ

II. Đọc thành tiếng : Đọc một trong hai đoạn văn của bài Ông Trọng thả điều.

Đoạn 1: Từ đầu đến vẫn có thì giờ để chơi đùa.

Đoạn 2: Từ “Sau vì nhà nghèo quá,.....vượt xa các học trò của thầy”

B. KIỂM TRA VIẾT:

I. Chính tả (nghe - viết):

Bài: Chiếc xe đạp của chú Tư (trang 179)

II. Tập làm văn

Đề bài: Tả một đồ dùng học tập hoặc đồ chơi mà em yêu thích.

Đáp án đề thi cuối học kì 1 lớp 4 môn Tiếng Việt - TH Lương Tài năm 2014

A- KIỂM TRA ĐỌC: 10 điểm

I. Đọc thầm và trả lời câu hỏi (5 điểm)

Câu 1: c

Câu 2: b

Câu 3: b

Câu 4: b

Câu 5: c

II. Đọc thành tiếng: (5 điểm)

B- KIỂM TRA VIẾT: 10 điểm

I. Chính tả: (5 điểm)

II. Tập làm văn: (5 điểm)

Đề số 8

PHÒNG GD & ĐT TP MỸ THO

Trường TH Thái Sanh Hạnh

Họ và tên:.....

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ HỌC KÌ I

NĂM HỌC 2014 – 2015

Ngày kiểm tra 26 tháng 12 năm 2014

MÔN ĐỌC THẦM LỚP 4

(Thời gian làm bài 30 phút không kể thời gian giao đề)

A. kiểm tra kĩ năng đọc và kiến thức tiếng việt:

Cho văn bản sau:

Kéo co

1. Kéo co là một trò chơi thể hiện tinh thần thượng võ của dân ta. Tục kéo co mỗi vùng một khác, nhưng bao giờ cũng là cuộc đấu tài, đấu sức giữa hai bên.

Kéo co phải đủ ba keo. Bên nào kéo được đối phương ngã về phía mình nhiều keo hơn là bên ấy thắng.

2. Hội làng Hữu Trấp thuộc huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh thường tổ chức thi kéo co giữa nam và nữ. Có năm bên nam thắng, có năm bên nữ thắng. Nhưng dù bên nào thắng thì cuộc thi cũng rất là vui. Vui ở sự ganh đua, vui ở những tiếng hò reo khuyến khích của người xem hội.

3. Làng Tích Sơn thuộc thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc lại có tục thi kéo co giữa trai tráng hai giáp trong làng. Số người của mỗi bên không hạn chế. Nhiều khi, có giáp thua keo đầu, tới keo thứ hai, đàn ông trong giáp kéo đến đông hơn, thế là chuyển bại thành thắng. Sau cuộc thi, dân làng nổi trống mừng bên thắng. Các cô gái làng cũng không ngớt lời ngợi khen những chàng trai thắng cuộc.

(Theo Toan Ánh)

A.1. (1 điểm) Đọc thành tiếng: đọc một trong ba đoạn của văn bản.

A.2. Đọc thầm và làm bài tập (khoảng 15 – 20 phút)

Dựa vào bài tập đọc, hãy khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng nhất:

Câu 1 : Kéo co là một trò chơi dân gian thể hiện điều gì? (0,5 điểm)

- A. Sự đấu trí.
- B. Tinh thần thượng võ.
- C. Tài ứng xử.

Câu 2: Trò chơi kéo co ở mỗi vùng, mỗi địa phương có điểm gì giống nhau? (0,5 điểm)

- A. Đó là cuộc thi giữa nam và nữ.
- B. Đó là cuộc thi giữa những thanh niên cường tráng.
- C. Đó là cuộc đấu tài, đấu sức giữa hai đội.

Câu 3 : Trò chơi nào dưới đây được gọi là trò chơi dân gian? (0,5 điểm)

- A. Đấu vật
- B. Bóng chuyền
- C. Đá bóng

Câu 4: Từ nào sau đây là danh từ? (0,5 điểm)

- A. Kéo co
- B. Cái co
- C. Co chân

Câu 5: Từ nào sau đây không thể thay thế cho từ “khuyến khích”? (0,5 điểm)

- A. Khích lệ
- B. Khúc khích
- C. Động viên

Câu 6: Dòng nào dưới đây là những trò chơi rèn luyện sức mạnh? (0,5 điểm)

- A. vật, kéo co
- B. nhảy dây, đá cầu
- C. cờ tướng, xếp hình

Câu 7: Em hãy đặt một câu kể Ai làm gì ? (0,5 điểm)

Câu 8: Em hãy giới thiệu cách chơi kéo co ở làng Hữu Trấp? (0,5 điểm)

B. Kiểm tra kỹ năng viết chính tả và viết văn (viết đoạn, bài)

B. 1. Chính tả (nghe – viết) (2 điểm) (khoảng 15 phút)

Chiếc áo búp bê

Trời trở rét. Vậy mà bé Ly, búp bê của tôi, vẫn phong phanh chiếc váy mỏng. Tôi xin chị Khánh được mảnh vải xa tanh màu mật ong, khâu chiếc áo cho bé. Chiếc áo chỉ bằng bao thuốc. Cổ áo dựng cao cho ấm ngực. Tà áo loe ra một chút so với thân. Các mép áo đều được viền bằng vải xanh, rất nổi. Có ba chiếc khuy bấm như hạt cườm đính dọc nẹp áo. Chắc bé sẽ thích chiếc áo nhỏ xíu này vì tự tay tôi đã may cho bé.

(Theo Ngọc Ro)

B. 2. Tập làm văn: (3 điểm)

Đề bài : Hãy tả một món đồ chơi mà em yêu thích nhất.

ĐÁP ÁN

Môn: Tiếng Việt

I. Đọc thầm và trả lời câu hỏi: (5 điểm)

Học sinh trả lời đúng mỗi câu ghi 0.5 điểm

| | | | | | | |
|-----|---|---|---|---|---|---|
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|-----|---|---|---|---|---|---|

| | | | | | | |
|--------|---|---|---|---|---|---|
| Ý đúng | B | C | A | B | C | A |
|--------|---|---|---|---|---|---|

Câu 7: Học sinh đặt được câu kể Ai – làm gì? 0,5 điểm.

Câu 8: Học sinh giới thiệu được cách chơi kéo co ở làng Hữu Trấp diễn ra giữa hai đội, một bên là nam và một bên là nữ.... 0,5 điểm.

II. Kiểm tra viết:

1. Chính tả: (2 điểm)

- Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày đúng đoạn văn: 2 điểm.
- Mỗi lỗi chính tả trong bài viết (sai - lẫn phụ âm đầu hoặc vần, thanh, không viết hoa đúng qui định) trừ 0,2 điểm.

-

2. Tập làm văn: (3 điểm)

- Viết được bài văn tả đồ chơi đúng với yêu cầu của bài, đảm bảo các yêu cầu sau thì được 3 điểm:

+ Viết được bài văn miêu tả một đồ chơi đủ các phần (mở bài, thân bài, kết bài) đúng yêu cầu đã học.

+ Viết đúng ngữ pháp, dùng từ đúng, không mắc lỗi chính tả.

+ Chữ viết rõ ràng, trình bày bài viết sạch sẽ.

- Tùy theo mức độ về sai sót ý, về diễn đạt và chữ viết có thể cho các mức điểm:

2,75 ; 2,5; 2 ; 1,75 ; 1,5; 1.

Đề số 9

| | | |
|---|----------------|---|
| TRƯỜNG TIỂU HỌC VIỆT MỸ HỌ TÊN: LỚP: | SỐ BÁO DANH | KTĐK GIỮA HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2012 - 2013 Môn TIẾNG VIỆT – LỚP 4 KIỂM TRA ĐỌC THÀNH TIẾNG |
|---|----------------|---|

I. CHÍNH TẢ: (Nghe đọc) Thời gian: 20 phút

Bài “**Người ăn xin**” – Viết đầu bài và đoạn “Lúc ấy cứu giúp”

(Sách Tiếng Việt 4 tập 1, trang 30)

II. TẬP LÀM VĂN

Đề bài: Em hãy kể lại một câu chuyện mà em biết về một đức tính tốt của con người.

Bài đọc:

Cậu học sinh giỏi nhất lớp

Gia đình ông Giô - dẹp lại chuyển về Ác - boa để Lu - i có thể tiếp tục đi học.

Ác - boa là một thị trấn nhỏ, không có lâu đài đồ sộ, nguy nga, chỉ thấy những ngôi nhà nhỏ bé, cổ kính và những vườn nho con con. Dòng sông Quy - dăng - xơ hiền hòa lượn quanh thành phố, với những chiếc cầu trắng phau.

Ông bố dắt con đến gặp thầy giáo để xin học. Thầy cứ lắc đầu chê Lu - i còn bé quá. Thầy Rơ - nê đã già, mái tóc ngả màu xám, da nhăn nheo, người hơi gầy và cao. Thầy hỏi:

- *Cháu tên là gì?*

Ông Giô - dẹp không đáp, liếc mắt nhìn Lu-i, có ý bảo Lu - i trả lời.

- *Thưa thầy con là Lu - i Pa - xơ ạ!*

- *Đã muốn học chưa hay còn thích chơi?*

- Thừa thầy con thích đi học ạ!

Thầy giáo gật gù ra vẻ bằng lòng.

- Thế thì được.

Từ nhà đến trường không xa lắm, nhưng với tầm mắt của tuổi nhỏ, đó là cả một đoạn đường thơ mộng, có những chặng nghỉ và những trò chơi thú vị. Dưới một gốc cây to ở vệ đường, cô đã trú đi vì những ván bi quyết liệt. Cái bãi gần đường vào thị trấn là nơi diễn ra những “pha” bóng chớp nhoáng, đầy hứng thú và say mê. Còn dưới chân cầu kia, đó là nơi Lu - i thường rủ Giuyn Vec – xen, người bạn thân nhất của mình, đến đó câu cá.

Còn việc học hành của Lu – i thì khỏi phải nói! Gia đình và thầy giáo rất hài lòng. Thầy khen một cách thành thực về sự chăm chỉ và kết quả học tập của cậu. Cậu là học sinh giỏi nhất lớp.

Theo Đức Hòa

Trích “Lu- i Pa- xto”

ĐỌC THÂM: 25 phút (5 điểm)

Em đọc thắm bài “**Cậu học sinh giỏi nhất lớp**” rồi trả lời các câu hỏi sau:

(Đánh dấu (vào (trước câu trả lời đúng nhất)

Câu 1. Những chi tiết nào cho biết Lu - i Pa - xơ khi đến trường hãy còn rất bé?

- (a. Thầy giáo lúc đầu chê Lu - i còn bé quá.
- (b. Thầy giáo hỏi: “Đã muốn đi học chưa hay còn thích chơi?”
- (c. Cả hai ý a và b.
- (d. Các ý trên đều sai.

Câu 2. Ngoài giờ học Lu - i thường tham gia những trò chơi nào?

- (a. Bắn bi.
- (b. Đá bóng.
- (c. Câu cá.
- (d. Tất cả các ý trên.

Câu 3. Những từ ngữ nào cho biết Lu – i tham gia các trò chơi rất say mê ?

- (a. Ván bi quyết liệt.
- (b. “Pha” bóng chớp nhoáng, đầy hứng thú và say mê.
- (c. Cả hai ý a và b.
- (d. Các ý trên đều sai.

Câu 4. Kết quả học tập của Lu- i ra sao?

- (a. Lu- i Pa- xơ là một học sinh giỏi nhất lớp.
- (b. Chưa cao vì Lu- i Pa- xơ còn bé.
- (c. Thầy giáo chưa hài lòng.
- (d. Không theo kịp các bạn trong lớp.

Câu 5: Tiếng **ông** gồm những bộ phận cấu tạo nào?

- (a. Chỉ có vần.

- (b. Chỉ có vần và thanh.
- (c. Chỉ có âm đầu và vần.
- (d. Có âm đầu, vần và thanh.

Câu 6: Cho câu:

Thầy giáo gặt gù ra về bằng lòng:

- **Thế thì được.**

Dấu hai chấm trong câu trên có tác dụng:

Câu 7: Cho câu: **Gia đình và thầy giáo rất hài lòng.**

Các từ ghép có trong câu trên:

Câu 8: Từ nào có thể thay thế cho từ “thành thực”?

- (a. Trung thành
- (b. Chân thành
- (c. Trung thực
- (d. Trung hậu

**ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM MÔN TIẾNG VIỆT 4
KTĐK GIỮA HỌC KÌ – NĂM HỌC 2012 – 2013**

ĐỌC THẦM: (5 điểm)

Câu 1. (0,5 điểm)

(c.

Câu 2. (0,5 điểm)

(d.

Câu 3. (0,5 điểm)

(c.

Câu 4. (0,5 điểm)

(a.

Câu 5. (0,5 điểm)

(b.

Câu 6. (1điểm) Dấu hai chấm trong câu trên có tác dụng **dẫn lời nói của nhân vật.**

Câu 7. (1 điểm)

Các từ ghép có trong câu trên: **Gia đình, thầy giáo, hài lòng.**

Câu 8. (0,5 điểm)

(c

TẬP LÀM VĂN : (5 điểm)

1. YÊU CẦU:

a. Thể loại: Kể chuyện

b. Nội dung:

- Học sinh biết kể chuyện theo trình tự hợp lí, đúng nội dung. Câu văn gãy gọn, biết vận dụng kiến thức để trao đổi thông tin.

- Lời lẽ tự nhiên.

c. Hình thức :

- Bài viết gồm 3 phần: Mở bài, thân bài và kết bài.

- Dùng từ chính xác, viết câu đúng ngữ pháp, đúng chính tả.

- Diễn đạt lưu loát, có sự liên kết giữa các sự việc.

2. BIỂU ĐIỂM :

- **Điểm 4,5 – 5:** Bài làm hay, thể hiện sự sáng tạo, phong phú, lỗi chung không đáng kể (từ ngữ, ngữ pháp, chính tả)

- **Điểm 3,5 – 4:** Học sinh thực hiện các yêu cầu ở mức độ khá, đôi chỗ còn thiếu tự nhiên, không quá 2 lỗi chung.

- **Điểm 2,5 – 3:** Các yêu cầu thể hiện ở mức độ trung bình, không quá 4 lỗi chung.

- **Điểm 1,5 – 2:** Bài làm bộc lộ nhiều sai sót, diễn đạt lủng củng, lặp từ

- **Điểm 0,5 – 1:** Bài làm lạc đề.

Giao viên chấm điểm phù hợp với mức độ thể hiện trong bài làm của học sinh, khuyến khích những bài làm thể hiện sự sáng tạo, có kĩ năng làm bài văn kể chuyện.

Đề số 10

| | |
|---|--|
| Phòng GD - ĐT Thanh Oai Trường tiểu học Kim An | BÀI KIỂM TRA CUỐI KỲ I - LỚP 4 Năm học: 2013 - 2014 |
| Họ và tên: | |

| | |
|---------------------|---------------------------|
| | Môn: Tiếng Việt |
| Lớp: 4 | Thời gian: 40 phút |

I - PHẦN KIỂM TRA ĐỌC: (10 điểm)

* Đọc thành tiếng: (6 điểm) GV cho HS đọc 1 đoạn bất kì trong các bài tập đọc đã học từ tuần 1 đến tuần 9 Tiếng Việt 4 tập 1, và yêu cầu HS trả lời từ 1 → 2 câu hỏi về nội dung đoạn vừa đọc (Kiểm tra trong tuần 10)

* Đọc hiểu: (4 điểm) Văn hay chữ tốt

Thuở đi học, Cao Bá Quát viết chữ rất xấu nên nhiều bài văn dù hay vẫn bị thầy cho điểm kém.

Một hôm, có bà cụ hàng xóm sang khẩn khoản:

- Gia đình già có việc oan uổng muốn kêu quan, nhờ cậu viết giúp cho lá đơn, có được không?

Cao Bá Quát vui vẻ trả lời:

- Tưởng việc gì khó, chữ việc ấy cháu xin sẵn lòng.

Lá đơn viết lí lẽ rõ ràng, Cao Bá Quát yên trí quan sẽ xét nỗi oan cho bà cụ. Nào ngờ, chữ ông xấu quá, quan đọc không được nên thét lính đuổi bà ra khỏi huyện đường. Về nhà, bà kể lại câu chuyện khiến Cao Bá Quát vô cùng ân hận. Ông biết dù văn hay đến đâu mà chữ không ra chữ cũng chẳng ích gì. Từ đó, ông dốc sức luyện viết chữ sao cho đẹp.

Sáng sáng, ông cầm que vạch lên cột nhà luyện chữ cho cứng cáp. Mỗi buổi tối, ông viết xong mười trang vở mới chịu đi ngủ. Chữ viết đã tiến bộ, ông lại mượn những cuốn sách chữ viết đẹp làm mẫu để luyện nhiều kiểu chữ khác nhau.

Kiên trì luyện tập suốt mấy năm, chữ ông mỗi ngày mỗi đẹp. Ông nổi danh khắp nước là người văn hay chữ tốt.

Theo TRUYỆN ĐỌC 1(1995)

2. Dựa vào nội dung bài đọc, em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước ý trả lời đúng cho các câu hỏi dưới đây:

Câu 1. Vì sao thuở đi học Cao Bá Quát thường bị điểm kém?

- a. Vì Cao Bá Quát lười học.

- b. Vì Cao Bá Quát mãi chơi.
- c. Vì Cao Bá Quát viết chữ rất xấu.

Câu 2. *Quan thét lính đuổi bà cụ ra khỏi huyện đường vì:*

- a. Bà cụ không bị oan.
- b. Bà cụ nói năng không rõ ràng.
- c. Chữ Cao Bá Quát xấu quá quan đọc không được.

Câu 3. *Cao Bá Quát đã rút ra bài học gì sau khi nghe bà cụ kể lại sự việc?*

- a. Văn hay phải đi liền với chữ đẹp.
- b. Văn hay mà chữ không ra chữ thì chẳng ích gì.
- c. Chữ đẹp quan trọng hơn văn hay.

Câu 4. *Từ “luyện viết” thuộc từ loại gì?*

- a. Danh từ.
- b. Động từ.
- c. Tính từ.

Câu 5. *Nhóm từ nào gồm toàn các từ láy:*

- a. khẩn khoản, vui vẻ, chữ xấu.
- b. vui vẻ, lí lẽ, điếm kém.
- c. vui vẻ, rõ ràng, cứng cáp.

Câu 6. *Trong câu : “Thuở đi học, Cao Bá Quát viết chữ rất xấu nên nhiều bài văn dù hay vẫn bị thầy cho điếm kém”. Dùng để:*

- a. Hỏi về sự việc
- b. Kể lại sự việc
- c. Tả lại sự việc

II - PHẦN KIỂM TRA VIẾT: (10 điểm)

1. Chính tả: (5 điểm) Nghe - viết bài “*Cánh diều tuổi thơ*” (Từ đầu đến Những vì sao sớm) (Sách Tiếng Việt lớp 4 – Tập 1 – trang 146)

2. Tập làm văn: (5 điểm) Em hãy kể lại một câu chuyện đã nghe hoặc đã đọc về một người có nghị lực hay người tốt việc tốt.

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

KIỂM TRA CUỐI KỲ I – (2013 - 2014)

I. PHẦN ĐỌC: (6 điểm)

* Đọc thành tiếng:

Giáo viên chọn các bài đã học từ tuần 10 đến tuần 16 để cho học sinh đọc. Đọc lưu loát trôi chảy, không mắc lỗi phát âm, tốc độ đạt yêu cầu, có diễn cảm cho 6 điểm. Tùy mức độ để cho điểm 5 – 4 – 3 – 2 – 1

* Đọc hiểu: **(4 điểm)**

- Từ câu 1 - câu 4: Đúng mỗi câu 0,5 điểm.

- Câu 5, 6 : Tìm đúng từ, đúng câu cho 1 điểm

II. PHẦN KIỂM TRA VIẾT: (10 điểm)

1. Chính tả (*nghe - viết*): (5 điểm)

Chữ viết rõ ràng, trình bày sạch, viết đúng độ cao, khoảng cách, kiểu chữ... đạt 5 điểm. GV căn cứ lỗi sai để cho điểm 4,5 - 4 - 3,5 - 3 - 2,5 - 2 - 1,5 - 1 - 0,5 điểm.

2. Tập làm văn: (5 điểm)

Học sinh viết được đoạn văn từ 7 câu trở lên đúng với yêu cầu của đề bài; câu văn dùng từ đúng, không sai ngữ pháp; chữ viết rõ ràng, sạch sẽ: 5 điểm.

(Tùy theo mức độ sai sót về ý, về diễn đạt và chữ viết, có thể cho các mức điểm: 4,5; 4; 3,5; 3; 2,5; 2; 1,5; 1; 0,5.)

Đáp án:

Câu 1: C

Câu 2: C

Câu 3: A

Câu 4: B

Câu 5: C

Câu 6: B